

Bản án số: 16/2024/HS-ST
Ngày 30-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Bà Nông Biên Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Quý Nam,

Ông Đàm Văn Lý.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Hoàng Trung Đức, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà:** Ông Đinh Tiến Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2023/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T (Tên gọi khác: Không). Sinh ngày 11/8/1982 tại S, Hà Nội.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Thôn C, xã P, huyện S, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1950 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952; vợ: Vương Thị L, sinh năm 1992; con: 04 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Ngày 08/12/2000 bị công an huyện S, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm giữ tài sản trái phép theo Quyết định số 520402.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/8/2023 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 02 giờ 30 phút ngày 06/8/2023, tại khu V, Quốc lộ C thuộc xóm B, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng, phòng Q1 - Công an tỉnh C chủ trì phối hợp với Phòng C - Công an tỉnh C thực hiện công tác tuần tra kiểm soát đã phát hiện và tiến hành kiểm tra xe ô tô màu bạc nhãn hiệu NISSAN TEANA, biển kiểm soát 29A - 752.09. Qua kiểm tra xe ô tô trên do Nguyễn Văn T điều khiển, trên xe chở 02 (hai) công dân Trung Quốc không xuất trình được giấy tờ xuất nhập cảnh hợp pháp theo quy định. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, tạm giữ đồ vật, tài liệu liên quan và đưa tất cả về trụ sở để làm rõ sự việc.

Mở rộng điều tra, xác định: Khoảng 16 giờ ngày 05/8/2023, Nguyễn Văn T được một người đàn ông tên “Bộ” (không rõ họ tên, tuổi, địa chỉ) sử dụng số 0363.372.482 gọi điện cho T vào số 0365.123.333 nói thuê chở khách từ Cao Bằng về Hà Nội với giá 3.000.000đ (ba triệu đồng), Bộ không nói rõ số lượng người nhưng T vẫn đồng ý. Sau đó T điều khiển xe ô tô màu bạc nhãn hiệu NISSAN TEANA biển kiểm soát 29A - 752.09 lên Cao Bằng theo hướng đường T. Khi đến khu Công nghiệp S ở P, Thái Nguyên, do đi một mình sợ buồn ngủ nên T đã gọi điện và qua đón em trai của vợ tên là Vương Đức K (sinh năm 1995, trú tại: xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) để cùng lên Cao Bằng. Khoảng 22 giờ 30 phút, T và K lên đến thành phố C. Sau đó, T bảo K ở lại thành phố C chờ Tuất quay lại, còn T được người đàn ông tên Q (không rõ họ tên, tuổi, địa chỉ) sử dụng số 0338.607.609 gọi điện và hướng dẫn đi đến thị trấn H, huyện Q để đón khách. Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 06/8/2023 Tuất đi đến vị trí đón người mà Q đã hướng dẫn thì T thấy có 03 (ba) xe máy chờ sẵn và nhiều người đang đứng ở ven đường chờ sẵn (Tuất không nhớ rõ có bao nhiêu người). Khi T dừng xe lại thì có 02 (hai) người đàn ông tự mở cửa và lên xe của T. Sau khi lên xe, T thấy 02 (hai) người này có nói chuyện bằng tiếng Trung Quốc, vì đón người vào đêm muộn và tại nơi vắng vẻ nên T nhận thức được 02 (hai) người mình vừa đón là người Trung Quốc nhập cảnh trái phép. Sau đó T chụp ảnh gửi cho B và lái xe đi về hướng Hà Nội. Khi T đi được khoảng 40 phút, đến địa phận xóm B, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng thì bị lực lượng chức năng kiểm tra, bắt quả tang và đưa tất cả về trụ sở làm việc.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T còn thừa nhận về 02 lần khác: vào ngày 27/6/2023 và ngày 05/7/2023 được người đàn ông tên “Bộ” (không rõ họ tên, tuổi, địa chỉ) sử dụng số 0363.372.482 và người đàn ông tên Q (không rõ họ tên, tuổi, địa chỉ) sử dụng số 0338.607.609 gọi điện và hướng dẫn đi đến thị trấn H, huyện Q để đón khách đưa về tỉnh Bắc Ninh với tiền công là 3.000.000 đồng. Ngoài lời khai của bị can Nguyễn Văn T, Cơ quan điều tra không thu thập được tài liệu, chứng cứ nào khác để xác định khách là những người Trung Quốc nhập cảnh trái phép nên không đủ căn cứ để xử lý về các lần này.

Đối với người đàn ông tên “Bộ” sử dụng số 0363.372.482 đã thuê, hướng dẫn Tuất đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép: quá trình điều tra, xác định được là Phùng Văn B1 (sinh ngày 05/8/1982, giới tính: Nam; trú tại: tổ B, Á, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai). Bộ khai nhận được một người đàn ông tên H1 thuê đón khách từ tỉnh Cao Bằng đưa về Bắc Ninh, sau đó B1 đã thuê lại T. Bản thân

B1 không biết khách này là người Trung Quốc nhập cảnh trái phép. Bộ chỉ thực hiện theo sự chỉ đạo của H1 sau đó thông tin lại để Bộ thực hiện theo. Quá trình điều tra không thu thập được tài liệu, chứng cứ nào khác nên không có cơ sở để xử lý đối với B1.

Đối với người đàn ông tên H1 đã thuê Phùng Văn B1 đón khách, quá trình điều tra không xác định được nhân thân lai lịch cụ thể nên không có căn cứ để mở rộng điều tra làm rõ.

Đối với người đàn ông tên Q, sử dụng số 0338.607.609 đã gọi điện và hướng dẫn T đi đến thị trấn H, huyện Q để đón khách: xác định được chủ thuê bao số 0338.607.609 là Nguyễn Thị L1 (sinh ngày 10/10/1950; Giới tính nữ; Trú tại: K, Đ, Đ, Quảng Ninh). Bà L1 khai nhận bản thân chưa từng được sử dụng thông tin cá nhân để đăng ký sử dụng hay cho tặng ai các sim điện thoại số 0338.607.609. Quá trình điều tra không thu thập được tài liệu, chứng cứ nào khác nên không có cơ sở để tiếp tục điều tra xác minh, làm rõ.

Đối với Vương Đức K (sinh năm 1995, trú tại: xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên): Quá trình điều tra, xác định K chỉ được T gọi và đi cùng T đến Cao Bằng, không biết việc T đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, không được hứa hẹn hoặc hưởng lợi gì. Quá trình điều tra không thu thập được tài liệu, chứng cứ nào khác nên không có cơ sở để xử lý đối với K.

Đối với các đối tượng điều khiển 03 (ba) xe máy chở theo 02 (hai) người Trung Quốc nhập cảnh trái phép đến và đưa lên xe ô tô của T: Quá trình điều tra không thu thập được thông tin gì về những người này nên không có cơ sở để điều tra xác minh, làm rõ.

Tại Bản cáo trạng số 03/CT-VKSCB-P1, ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phản ánh đúng hành vi phạm tội của bị cáo.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo khẳng định quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật đã viện dẫn nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*”; về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 15-18 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu hóa giá lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước: 01 xe ô tô biển kiểm soát 29A - 752.09; 01 điện thoại di động; 01 giấy đăng ký xe ô tô thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến bào chữa, không tranh luận với luận tội và đề nghị của Kiểm sát viên.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Căn cứ vào Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Phòng quản lý xuất nhập cảnh, Công an tỉnh C lập hồi 02 giờ 40 phút ngày 06/8/2023 đối với Nguyễn Văn T và 02 người nhập cảnh trái phép; Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra và các tài liệu chứng cứ phù hợp về thời gian, địa điểm đón đưa người nhập cảnh, số lượng người nhập cảnh trái phép, số tiền công sẽ được trả cũng như động cơ mục đích thực hiện hành vi phạm tội; Căn cứ vào trích xuất dữ liệu điện tử từ điện thoại của bị cáo; Căn cứ vào lời khai của 02 công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận:

Ngày 06/8/2023, Nguyễn Văn T một mình điều khiển xe ô tô màu bạc nhãn hiệu NISSAN TEANA biển kiểm soát 29A - 752.09 đến thị trấn H, huyện Q đón được 02 (hai) người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam để đưa tỉnh Bắc Ninh, với số tiền công thỏa thuận 3.000.000đ (ba triệu đồng). Sau khi đón được người, T thấy 02 (hai) người này có nói chuyện bằng tiếng Trung Quốc, vì đón người vào đêm muộn và tại nơi vắng vẻ nên T nhận thức được 02 (hai) người mình vừa đón là người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, nhưng vẫn cố ý thực hiện với mục đích hưởng số tiền công theo thỏa thuận. Khi đi đến địa phận xóm B, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng thì bị lực lượng chức năng kiểm tra, bắt quả tang. Do

chưa đưa được người đến tỉnh Bắc Ninh nên T chưa nhận được tiền công.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích để được hưởng lợi về kinh tế. Hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T là nghiêm trọng, hành vi bị cáo thực hiện đơn lẻ. Hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, gây mất trật tự trị an địa phương. Việc các bị cáo tự ý đón công dân Trung Quốc vào Việt Nam không có sự kiểm soát của các cơ quan chức năng dẫn đến tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các loại tội phạm cũng như làm phát sinh nhiều vấn đề an ninh trật tự phức tạp.

Do vậy, việc đưa bị cáo ra truy tố, xét xử trước pháp luật là cần thiết, nhằm mục đích răn đe giáo dục riêng đối với bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh chống tội phạm và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Về nhân thân*: Không có tiền án, tiền sự; tuy nhiên nhân thân đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính vào năm 2000. Vợ bị cáo là bà Vương Thị L có đơn trình bày về hoàn cảnh gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú, cụ thể: Bị cáo là lao động chính, mẹ đẻ tuổi cao, sức yếu, có 04 con còn nhỏ, vợ không có việc làm ổn định.

- *Về tình tiết tăng nặng*: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo Điều 52 Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ*: Tại giai đoạn truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị H được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì và bà Nguyễn Thị H hiện nay đang hưởng trợ cấp là người trực tiếp thờ cúng liệt sĩ (bà H là chị dâu của Liệt sĩ); do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 và tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi phạm tội; xét hành vi bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, nhân thân bị cáo xấu, do vậy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đảm bảo giáo dục, cải tạo bị cáo và sự nghiêm minh của pháp luật, đồng thời để giáo dục phòng ngừa chung.

Xét thấy mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo, có căn cứ pháp luật cần chấp nhận.

[5] Về các vấn đề khác: Đối với 02 (hai) công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam: Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh C đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi nhập cảnh trái phép bằng hình thức phạt tiền đối với 02 đối tượng, sau đó được trao trả về Trung Quốc theo quy định.

[6] Về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”*, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết áp dụng một trong các hình phạt bổ sung trên đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Đối với 01 xe ô tô biển kiểm soát 29A - 752.09 kèm theo giấy đăng ký ô tô và 01 điện thoại di động Iphone thu giữ của bị cáo là công cụ, phương tiện bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội, xét cần tịch thu hóa giá lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”.

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/8/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử: Tịch thu hóa giá lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước đối với bị cáo:

+ 01 (Một) xe ô tô biển kiểm soát 29A - 752.09, loại xe: Ô tô con, nhãn hiệu: NISSAN, số loại: TEANA, màu sơn: Bạc, dung tích xi lanh: 1997, số máy: MR20L001017S, số khung: J32TA001000, số chỗ ngồi: 5, năm sản xuất: 2009; xe cũ đã qua sử dụng, vỏ xe có nhiều vết trầy xước đã cũ (Kèm theo 01 chìa khóa xe).

+ 01 (Một) điện thoại cảm ứng Iphone màu trắng của Nguyễn Văn T.

+ 01 (Một) Giấy đăng ký xe ô tô số 786429 mang tên Nguyễn Văn T.

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng tại Biên bản giao nhận vật chứng số: 55 ngày 26 tháng 01 năm 2024.

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Cục THA dân sự tỉnh Cao Bằng;
- Trại tạm giam CA tỉnh Cao Bằng (PC11);
- CQANĐT-CA tỉnh Cao Bằng (PA09);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh (PV06);
- P.THAHS-HTTP CA tỉnh Cao Bằng (PC10);
- Phòng KTNV&THA (02);
- Người TGTT;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu tòa HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Biên Hòa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Quý Nam

Đặng Văn Lý

Nông Biên Hòa

